

Số: 535/2023/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 21 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 470/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Trần Thị Ái H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: TB, Thôn A, xã N, thị xã Nh, tỉnh Bình Định;

Người yêu cầu: Trần Tấn K, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 621/18A đường V, Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 03/9/2020 của Ủy ban nhân dân Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Tấn K và bà Trần Thị Ái H là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 03/9/2020. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay, ông bà nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H và ông K yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn Kh – sinh ngày 10/06/2021. Hai bên thỏa thuận bà H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tuấn Kh và ông K sẽ cấp dưỡng nuôi trẻ Tuấn Kh mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Tấn K và bà Trần Thị Ái H cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tấn K và bà Trần Thị Ái H thuận tình ly hôn (Ông Trần Tấn K và bà Trần Thị Ái H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 do Ủy ban nhân dân Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/9/2020).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn Kh – sinh ngày 10/06/2021. Hai bên thỏa thuận bà H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tuấn Kh và ông K sẽ cấp dưỡng nuôi trẻ Tuấn Kh mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng. Thời gian thực hiện từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung thành niên.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Trần Tấn K và bà Trần Thị Ái H chịu được cản trở vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0023116 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND Phường Q, quận T, TPHCM;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc